TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/DS-PT
Ngày: 22/3/2024.
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Tặng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh
Ông Sỹ Danh Đạt.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Điểu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/02/2024 và ngày 22/3/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 484/2023/QĐXXPT-DS ngày 27/12/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 40/2024/QĐPT-DS, ngày 24/01/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T3.
Địa chỉ: Số D, Quốc lộ C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Tấn H - Chức vụ: Giám đốc.
Người đại diện hợp pháp: Chị Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1996
Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 05-01-2024.
Địa chỉ: Số B, quộc lộ C, phường M, thành phố C.
- Bị đơn: Hồ Văn T, sinh năm 1957.
Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.
Địa chỉ liên hệ: Số B, đường H, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Ngô Thị Ngọc L, sinh năm 1958.
2. Ngô Thị Huyền T1, sinh năm 1980.
Cùng địa chỉ: Số D, Quốc lộ C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Ngô Tấn H, sinh năm 1960.
Địa chỉ: Tổ C, khóm C, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Q, ông T có mặt tại phiên tòa. Ông H, bà L, chị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH T3, người đại diện ông Lê Hữu P trình bày tại Tòa án sơ thẩm:

Công ty TNHH T3 và ông T là chỗ quen biết làm ăn cùng nghề nghiệp với nhau, ông T là khách hàng. Vào khoảng năm 2013, 2014, ông H có nghe ông T hoạt động cấy lúa ở Bến Tre có hiệu quả nên ông H có qua trực tiếp tại Bến Tre để xem hoạt động mô hình của ông T. Hai bên có trao đổi nghiệp vụ, ông T nói hoạt động bằng máy đã qua sử dụng còn bên ông H là máy mới nên ông H không có liên hệ với ông T.

Vào khoảng năm 2014, nghe tin ông T về hoạt động tại huyện T nên máy bị hư không có tiếp tục hoạt động. Do là chỗ quen biết nên ông T gọi điện cho ông H để nhờ ông H đem máy và khay mạ từ Tháp Mười về kho của ông H tại xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp để sửa chữa. Tuy nhiên, được một thời gian thì không thấy ai đến sửa chữa nên ông H có điện thoại cho ông T nhiều lần nhưng không liên lạc được. Đến năm 2017, ông H có gửi văn bản cho ông T yêu cầu ông T chuyển máy cấy và khay mạ di dời ra khỏi kho của ông Tấn H.

Trong thời gian chuyển máy cấy và khay mạ về kho của ông H do cần tiền nên ông T có vay của Công ty TNHH T3 số tiền 20.000.000 đồng có làm biên nhận vào ngày 18/5/2013, không tính lãi. Ông T có nhận của Công ty TNHH T3 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và ông T có nhờ xe của Công ty chở 02 máy cấy lúa với số khay làm mạ về kho của Công ty có địa chỉ số D, quốc lộ C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Ông T có viết biên nhận ngày 18/5/2013 và ký tên. Nhiều lần Công ty điện thoại yêu cầu ông T trả số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho Công ty và nhận tài sản của ông T đã gửi tại kho của Công ty T3 về, do kho của Công ty TNHH T3 không còn chỗ chứa hàng của Công ty, nhưng ông T không đến cũng không có ý kiến.

Ngày 15/10/2021, Công ty có làm văn bản yêu cầu ông T đến Công ty giải quyết, đồng thời Công ty có yêu cầu Văn phòng thừa phát lại lập Vi bằng, Văn phòng thừa phát lại có tổ chức lập Vi bằng, ông T không đến cũng không có ý kiến gì.

Vì vậy, nay Công ty TNHH T3 yêu cầu ông Hồ Văn T trả cho Công ty TNHH T3 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), không tính lãi và Công ty TNHH T3 tự nguyện trả cho ông T 02 máy cáy và 1.248 khay mạ.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Ngọc L và chị Ngô Thị Huyền T1 trình bày:

Đối với yêu cầu của ông T yêu cầu ông H, bà Ngọc L và chị Huyền T1 liên đới bồi thường số tiền 10.220.000.000 đồng, bà Ngọc L và chị Huyền T1 không đồng ý.

- Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên toà bị đơn Hồ Văn T trình bày:

Ngày 09/5/2013, ông H mời ông T liên kết làm ăn. Nội dung là ông H nhận hợp đồng cấy lúa thuê cho bà con nông dân là 20ha tại khu vực xã T và xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Lúc này, ông H không rành về quy trình cấy lúa công nghệ cao và làm mạ bằng khay. Vì vậy, ông H mời ông T hợp tác vì lý do ông H cần phổ biến quy trình trồng lúa công nghệ cao đến với bà con nông dân cả nước, việc hợp tác giữa ông T và ông H chỉ thoả thuận miệng với tỷ lệ chia nhau phần lợi nhuận là 50/50, ông H được hưởng 50% lợi nhuận có được.

Ông T đã thế chấp nhà và đất là 1ha đến Ngân hàng để vay số tiền 500.000.000 đồng đầu tư mua máy cấy lúa hiệu Kubota N, 02 máy cấy là 400.000.000 đồng và mua khay làm mạ. Thời điểm này ông T có được 1.000 khay nhựa nên không đủ khay cho 02 máy nên ông H có đưa số tiền 20.000.000 đồng để cho ông T đủ tiền mua thêm 1.000 khay cho 02 máy cấy. Hiện nay, số khay nói trên và 02 máy cấy ông H đang quản lý và sử dụng. Trước đó, ông H thoả thuận với ông T cho công nhân đem xe chở 02 máy cấy của ông T từ Bến Tre về Đồng Tháp để ông H sử dụng cấy lúa. Đến ngày xuống ruộng cấy lúa ông T là người thực hiện trên ruộng, khi đó ông H kiếm chuyện khen, chê và ngăn cản không cho ông T thực hiện và ông H đem máy hiệu Kubota ở Bình Dương về sử dụng và tìm cách chiếm đoạt 02 máy của ông T. Lúc này, máy của ông T đang vận hành tốt đang cấy trên ruộng của anh M được 3.000m2 ông H đã cho 20 người qua ngăn cản và hành hung không cho ông T cấy nữa. Đồng thời, đến gỡ máy của ông T khiêng chở hết tài sản của ông T là 02 máy cấy và 1.850 khay nhựa. Hiện nay, máy và khay nhựa đã được ông H quản lý. Tại phiên toà, ông T đồng ý số khay mạ tại kho của Công ty TNHH T3 còn lại là 1.248 khay mạ theo như lời trình bày của nguyên đơn.

Vào ngày 30/8/2013, ông T có đến nhà ông H để thương lượng lấy máy lại nhưng ông H và vợ của ông H là bà Ngô Thị Ngọc L và con gái là Ngô Thị Huyền T1 nhất quyết không cho ông T lấy về.

Tài sản hợp pháp của ông T bị ông H ngang nhiên chiếm đoạt gây thiệt hại cho ông T hết sức nghiêm trọng, ông H chiếm đoạt hết tài sản của ông T tổng cộng số tiền là 500.000.000 đồng và số tiền ông T vay của Ngân hàng C đã bị Ngân hàng phát mãi hết tài sản, ông T đã mất hết tài sản, ông T đã phải đi làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống, thiệt hại thu nhập của ông T do ông H giữ tài sản máy móc trái pháp luật mỗi năm là 1.080.000.000 đồng.

Sau đó, ông T đã làm đơn tố cáo đến Công an huyện T nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra văn bản số 07/CV-CQCSĐT ngày 30/11/2013 cho rằng sự việc này là tranh chấp dân sự nên không khởi tố vụ án.

Hành vi chiếm đoạt máy móc dụng cụ sản xuất của ông H đã xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Ông T mua 02 máy cấy tại Long An trước một tháng viết hoá đơn vào ngày 20/5/2013 và ngày 09/8/2013, ông T để máy của ông T tại nhà thuộc xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, ông T mua một lần nhưng do trả tiền thiếu nên xuất hoá đơn sau là vào ngày 09/8/2013. Ông T mua máy cấy là hoàn toàn mới.

Ông T thừa nhận biên nhận ngày 18/5/2013 là do ông T viết. Ông T có nhờ Công ty TNHH T3 chở hai máy cấy trước một tuần sau khi viết biên nhận từ xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre về kho của Công ty T3. Sau đó, chở về T để cấy lúa. Thời điểm chuyển 02 máy cấy và khay mạ về kho của Công ty T3 thì hai bên đã thoả thuận làm ăn do ông H có mối làm ăn tại xã T, huyện T.

Nay ông T yêu cầu buộc ông Ngô Tấn H và vợ là bà Ngô Thị Ngọc L và chị Ngô Thị Huyền T1 liên đới trả số tiền cụ thể như sau:

- Trả giá trị tài sản đã chiếm giữ 01 máy cấy hiệu Kubota SPA5, 6 hàng cấy, động cơ xăng, 01 máy cấy hiệu Kubota AP5, động cơ 11HP, máy mới và 1.248 khay mạ số tiền là 500.000.000 đồng, ông T không đồng ý nhận lại tài sản.

- Buộc ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc L và chị Ngô Thị Huyền T1 liên đới bồi thường thiệt hại do thu giữ tài sản của ông T trái pháp luật và bồi thường thiệt hại thu nhập của ông T từ lúc ông H giữ máy từ ngày 09/5/2013 đến ngày 09/5/2022 (09 năm) số tiền là 1.080.000.000 đồng/năm x 9 năm = 9.720.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoản là 10.220.000.000 đồng.

Ông T đồng ý trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho công ty TNHH T3 trong trường hợp ông H, bà L và chị T1 phải bồi thường số tiền 10.220.000.000 đồng cho ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 108/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T3 yêu cầu ông Hồ Văn T trả cho Công ty TNHH T3 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Buộc ông Hồ Văn T trả cho Công ty TNHH T3 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn T yêu cầu ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc L và chị Ngô Thị Huyền T1 liên đới trả giá trị 02 máy cấy hiệu Kubota SPA5, 6 hàng cấy, động cơ xăng, máy cấy hiệu Kubota AP5, động cơ 11HP và 1.248 khay mạ số tiền là 500.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu của ông Hồ Văn T yêu cầu ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc L và chị Ngô Thị Huyền T1 liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 9.720.000.000 đồng.

Buộc ông Hồ Văn T nhận lại các tài sản và di dời các tài sản ra khỏi Công ty TNHH T3 gồm: Máy cấy mang nhãn hiệu Kubota GH340 – PW, số hiệu máy 555782 và máy cấy lúa mang nhãn hiệu Kubota GH340 – PW, số hiệu máy 550422 và 1.248 khay mạ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí, quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2023, ông Hồ Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

+ Buộc Ngô Tấn H có trách nhiệm giao trả cho ông T 02 máy cấy lúa và các khay mạ đúng như hiện trạng ban đầu. Nếu hiện trạng máy không còn mới như lúc ban đầu thì ông T yêu cầu ông H bồi thường giá trị máy khi mới mua

với số tiền 400.000.000 đồng.

+ Buộc ông H, bà L, chị T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 10.200.000.000 đồng.

+ Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm có công văn chuyển cơ quan điều tra xem xét hành vi có dấu hiệu cưỡng đoạt tài sản của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xác định yêu cầu ông H, bà L, chị T1 bồi thường thiệt hại 9.720.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu ông Ngô Tấn H có trách nhiệm giao trả cho ông T 02 máy cấy lúa và các khay mạ đúng như hiện trạng ban đầu. Nếu hiện trạng máy không còn mới như lúc ban đầu thì ông T yêu cầu ông H bồi thường giá trị máy khi mới mua với số tiền 400.000.000 đồng.

[2.2] Xét thấy, 02 máy cấy lúa và các khay mạ mặc dù hiện nay đang ở kho của Công ty T3. Theo Công ty T3, ông T cấy lúa tại xã T, xã M, huyện T, do máy hư ngày 18/5/2013, ông T có nhờ ông H chở 02 máy cấy về kho Công ty T3, để ông T kêu người sửa chữa, nhưng từ đó đến nay ông T không có kêu người đến sửa chữa. Ông T cho rằng ông H chiếm giữ 02 máy cấy của ông T. Tuy nhiên, ông T không có chứng cứ chứng minh là Công ty T3 chiếm giữ trái pháp luật. Đồng thời, theo biên nhận ngày 18/5/2013 thể hiện: Tôi tên là Hồ Văn T có nhận của Công ty T3 số tiền 20.000.000 đồng và có nhờ xe Công ty T3 chở 02 máy cấy và khay làm mạ về kho Tấn H. Ông T thừa nhận biên nhận ngày 18/5/2013 là do ông T viết và ký tên. Điều đó chứng tỏ 02 máy cấy và các khay mạ là do ông T nhờ Công ty T3 chở về kho Tấn H.

[2.3] Ông T kháng cáo yêu cầu trả lại 02 máy như hiện trạng ban đầu hoặc phải bồi thường số tiền 400.000.000 đồng. Công ty T3 không có chiếm giữ trái phép. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tài liệu, chứng cứ buộc ông

T nhận lại 02 máy cấy là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T.

[2.4] Đối với việc ông T cho rằng ngày 23/11/2013, ông T có đến K xin nhận lại 02 máy bà L và chị T1 là vợ con của ông H không cho nhận máy. Về phía Công ty T3 cũng thừa nhận ông T có đến xin nhận 02 máy cấy, nhưng do ông T không trả tiền 20.000.000 đồng, nên bà L và chị T1 không cho nhận máy. Đây cũng không phải lỗi của công ty T3.

[2.5] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu ông H, bà L, bồi thường thiệt hại số tiền 9.720.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Thông báo cho ông T nộp tạm ứng tiền chi phí tố tụng theo thông báo số 192/TB-TA, ngày 26/5/2023 cho ông T, nhưng ông T không nộp chi phí tố tụng và cũng vắng mặt trong khi xem xét thẩm định, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ việc ông T yêu cầu ông H, bà L, chị T1 bồi thường thiệt hại là có cơ sở phù hợp với quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự và yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông T chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông T có tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[2.6] Đối với việc ông T đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra xem xét hành vi có dấu hiệu cưỡng đoạt tài sản của ông Ngô Tấn H. Xét thấy, khi xảy ra tranh chấp Công an huyện T đã có Quyết định số 26 ngày 09/8/2014 không khởi tố vụ án hình sự (tin tố giác), về việc chiếm giữ trái phép tài sản, xảy ra ngày 13/3/2013 tại ấp 6a, xã T, huyện T, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của ông T.

[2.7] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.8] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên ký hiệu của 02 máy cấy chưa đúng, nên Hội đồng xét xử sửa lại cho phù hợp.

[2.9] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.10] Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận, nên ông T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148; Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 108/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T3 yêu cầu ông Hồ Văn T trả cho Công ty TNHH T3 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Buộc ông Hồ Văn T trả cho Công ty TNHH T3 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Văn T yêu cầu ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc L và chị Ngô Thị Huyền T1 liên đới trả giá trị 02 máy cấy, (một máy hiệu Kubota SPA5, số khung 5006906 và một máy hiệu Kubota SPA5, số khung 503455) và 1.248 khay với số tiền là 500.000.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu của ông Hồ Văn T yêu cầu ông Ngô Tấn H, bà Ngô Thị Ngọc L và chị Ngô Thị Huyền T1 liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 9.720.000.000 đồng.

Buộc ông Hồ Văn T nhận lại các tài sản và di dời các tài sản ra khỏi Công ty TNHH T3 gồm: Máy cấy mang nhãn hiệu Kubota SPA5, số khung 5006906 và máy cấy hiệu Kubota SPA5, số khung 503455 và 1.248 khay mạ.

(Kèm theo biên bản kiểm tra tài sản tranh chấp ngày 18/3/2024).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông T.

Công ty TNHH T3 được nhận lại số tiền 500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Toà án số 0005522, ngày 11/03/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh;
- Phòng KTNV và THAHS TAND Tỉnh;
- TAND TP Cao Lãnh;
- Chi cục T;
- Đương sự;
- Lưu VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Tấn Tặng